

QUY ĐỊNH

Về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc Đảng bộ Cơ quan Chính quyền quản lý

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quy định số 30- QĐ/TW ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, quy định thi hành chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng; Quy định số 85-QĐ/TW ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý;

Căn cứ Quy định số 06- QĐ/HU ngày 22/8/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy Yên Thế về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý;

Căn cứ Quy chế số 92-QC/ĐU ngày 29/10/2015 của Đảng ủy về Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Cơ quan chính quyền, nhiệm kỳ 2015-2020;

Đảng ủy quy định về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc Đảng bộ như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng

Quy định này quy định về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc diện Đảng ủy Cơ quan Chính quyền quản lý (trừ các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý).

Điều 2. Mục đích

Kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai tài sản; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các khuyết điểm, vi phạm trong việc kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong toàn Đảng bộ; góp phần phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

Điều 3. Nguyên tắc

1- Công tác kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy.

2- Kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản phải thực hiện đúng các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát.

3- Mọi vi phạm trong việc kê khai tài sản phải được xem xét, xử lý theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN

Điều 4. Chủ thể kiểm tra

- 1- Đảng ủy.
- 2- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.

Điều 5. Chủ thể giám sát

- 1- Đảng ủy.
- 2- Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy.
- 3- Chi bộ nơi cán bộ, đảng viên đang sinh hoạt.

Điều 6. Đối tượng kiểm tra, giám sát

1- Đối tượng kiểm tra: Tất cả cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức các cơ quan trong khối thuộc Đảng bộ, trừ những đảng viên thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý (tại Điều 4, Điều 5, Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ ban hành kèm theo Quyết định số 1332-QĐ/HU ngày 06/02/2017 của Ban Thường vụ Huyện ủy).

2- Đối tượng giám sát: Tất cả cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong khối thuộc Đảng bộ.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền của chủ thể kiểm tra

- 1- Ban hành kế hoạch, quyết định kiểm tra việc kê khai tài sản.
- 2- Yêu cầu đối tượng được kiểm tra cung cấp thông tin, báo cáo, giải trình về việc kê khai tài sản, biến động tài sản và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm.
- 3- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản, thu nhập của cán bộ được kiểm tra.
- 4- Xác minh, kết luận về sự trung thực, đầy đủ rõ ràng, kịp thời của việc kê khai tài sản và biến động tài sản phải kê khai; tính xác thực, hợp pháp về nguồn gốc của tài sản tăng thêm.
- 5- Xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý các hành vi vi phạm trong việc kê khai tài sản của cán bộ theo quy định.
- 6- Thực hiện trách nhiệm và quyền của chủ thể kiểm tra theo quy định của Đảng.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền của chủ thể giám sát

- 1- Ban hành kế hoạch và văn bản về giám sát việc kê khai tài sản theo quy định.
- 2- Yêu cầu đối tượng giám sát cung cấp thông tin, báo cáo, giải trình về việc kê khai tài sản, biến động tài sản và nguồn gốc tài sản tăng thêm.
- 3- Xử lý hoặc báo cáo kết quả giám sát; kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý theo quy định.
- 4- Thực hiện trách nhiệm và quyền của chủ thể giám sát theo quy định của Đảng.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền của đối tượng được kiểm tra, giám sát

- 1- Báo cáo đầy đủ, trung thực, kịp thời về việc kê khai tài sản theo yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát.
- 2- Giải trình, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc kê khai tài sản, biến động tài sản và nguồn gốc tài sản tăng thêm.

3- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và các quyết định xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

4- Thực hiện trách nhiệm và quyền của đối tượng kiểm tra, giám sát theo quy định của Đảng, Nhà nước.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền của tổ chức, cá nhân có liên quan

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện trách nhiệm và quyền của mình theo đúng các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát.

Điều 11. Căn cứ kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản

1- Khi có kế hoạch của Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy hoặc theo yêu cầu của cơ quan tổ chức có thẩm quyền.

2- Khi có kiến nghị, phản ánh, tố cáo có căn cứ về việc kê khai tài sản không trung thực.

3- Khi cán bộ có dấu hiệu vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai tài sản.

Điều 12. Nội dung kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản

1- Việc thực hiện các quy định về kê khai tài sản, biến động tài sản hàng năm thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng cán bộ thuộc đối tượng kiểm tra, giám sát, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên.

2- Việc giải trình về biến động tài sản và nguồn gốc tài sản tăng thêm.

Điều 13. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản

Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản được thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước.

Chương III

CÁC VI PHẠM VÀ VIỆC XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KÊ KHAI TÀI SẢN

Điều 14. Các vi phạm về kê khai tài sản

1- Các vi phạm quy định về kê khai tài sản;

a) Không kê khai, kê khai không trung thực, kê khai không đúng quy định.

b) Giải trình về biến động tài sản và nguồn gốc tài sản tăng thêm: Không giải trình, giải trình không trung thực, không đầy đủ, không kịp thời theo quy định.

2- Các vi phạm trong quá trình kiểm tra, giám sát về kê khai tài sản:

a) Đối với đối tượng kiểm tra, giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan: Không chấp hành yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát và có hành vi cản trở, bất hợp tác trong quá trình kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản; sửa chữa, bổ sung, giả mạo về hồ sơ, thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản, biến động tài sản và nguồn gốc tài sản của bản thân và gia đình; gây áp lực, mua chuộc tổ chức, cá nhân đang thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản; cung cấp thông tin, tài liệu nhằm sai lệch kết quả kiểm tra, giám sát, kết luận kiểm tra việc kê khai tài sản.

b) Đối với chủ thể kiểm tra, giám sát: Làm lộ thông tin về tài sản của đối tượng kiểm tra, giám sát; làm sai lệch hồ sơ kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản; nhận xét, kết luận thiếu căn cứ, không khách quan trong quá trình kiểm tra, giám sát.

Điều 15. Việc xử lý vi phạm về kê khai tài sản

Việc xử lý vi phạm trong việc kê khai tài sản được thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

**Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 16. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1- Đảng ủy lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong khối thuộc Đảng bộ.

2- Giao Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy chủ trì, phối hợp với các ban của Đảng ủy tham mưu, giúp Đảng ủy hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Quy định với Đảng ủy; báo cáo và đề nghị Đảng ủy xem xét, bổ sung, sửa đổi Quy định khi cần thiết.

3- Đảng ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, các chi bộ trên cơ sở Quy định này hàng năm ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản đối với cán bộ, đảng viên (theo điều 6 của Quy định này).

Quy định này có hiệu từ ngày ký, được phổ biến đến chi bộ để thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT HU, UBKT HU (b/c);
- Lưu: VPĐU, UBKT ĐU.

Bản điện tử:

- Các đ/c Đảng ủy viên, UBKT Đảng ủy;
- Các Chi bộ, cơ quan trực thuộc ĐBCQCQ.

**T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ**



Nguyễn Văn Thanh